| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **82** /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2025
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mai Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Tuyết

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1991,

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân P,** sinh năm 1989,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan

- Người làm chứng: Ông **Nguyễn Xuân B,** sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương

Chị N, anh P và ông B đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt chị Nguyễn Thị N trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân P tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/5/2010 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị đã chuyển về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì anh P đi Đài Loan lao động, từ thời điểm này giữa chị và anh P nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Năm 2016, anh P về Việt Nam, vợ chồng hàn gắn tình cảm và chuyển ra ở thôn P, xã P (nay là xã A), huyện N, tỉnh Hải Dương. Năm 2020, anh P tiếp tục sang Đài Loan làm việc cho đến nay chưa về nước. Vợ chồng xa cách nên anh chị tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn do không tìm tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị đã nói chuyện với anh P về việc ly hôn, qua điện thoại anh P có quan điểm nhất trí ly hôn với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 18/12/2010 và cháu Nguyễn Như N2, sinh ngày 27/01/2019. Hiện nay cả 2 con chung đều đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, việc cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Nguyễn Xuân B (là bố đẻ của bị đơn) trình bày*: Về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Anh P hiện đang lao động tại Đài Loan, anh P vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Anh P đã biết việc chị N có đơn xin ly hôn. Anh P có quan điểm là nhất trí ly hôn với chị N. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 18/12/2010 và cháu Nguyễn Như N2, sinh ngày 27/01/2019. Anh P đồng ý để chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, vợ chồng tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh P đang ở nước ngoài nên ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng thay cho anh P.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Nguyễn Xuân P; Giao cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 18/12/2010 và cháu Nguyễn Như N2, sinh ngày 27/01/2019 cho đến khi trưởng thành. Về tiền cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Xuân P. Bị đơn anh P hiện đang sinh sống tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh P tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị N và gia đình anh P cung cấp địa chỉ của anh P nhưng chị N và gia đình anh P không cung cấp được. Ông Nguyễn Xuân B (là bố đẻ của anh P) xác định anh P vẫn liên lạc với gia đình, ông đã thông báo cho anh P biết về việc chị N có đơn xin ly hôn, anh P có quan điểm nhất trí ly hôn nhưng không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa chị N có đơn giải quyết xử vắng mặt; anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh P và ông B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Xuân P tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/5/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng xa cách, anh P làm việc tại Đài Loan, chị N ở tại Việt Nam. Từ năm 2020 đến anh P chưa về nước. Chị N xác định không còn tình cảm với anh P và có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh P có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của của chị N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị N và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 18/12/2010 và cháu Nguyễn Như N2, sinh ngày 27/01/2019. Vợ chồng cùng có quan điểm để chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Các con chung đang có cuộc sống ổn định cùng chị N tại Việt Nam, anh P đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc các con chung, do đó cần chấp nhận thỏa thuận của vợ chồng, giao cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành; Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; Anh Nguyễn Xuân P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 18/12/2010 và Nguyễn Như N2, sinh ngày 27/01/2019 thời gian từ tháng 02/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Xuân P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005457 ngày 03/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị N đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Nguyễn Xuân P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**